

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2019.

“V/v Tranh chấp về nuôi con và
cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 06/12 và 27/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2019/TLST- HNGĐ ngày 22/10/2019 về việc “Tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 94/2019/QĐXX-ST ngày 14/11/2019 và thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 29/2019/TB-TA ngày 29/11/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2019/QĐ-ST ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị Ú, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1981.

ĐKHKT: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động ở nước ngoài tại Công ty TNHH T. Địa chỉ: Số 77, đường T, quận C, thành phố C, Đài Loan. (Chị Lưu Thị Ú có mặt tại phiên tòa; anh Đinh Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/10/2019, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn là chị Lưu Thị U trình bày:**

Chị và anh Đinh Văn Đ có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Công H sinh ngày 07/6/2004 và cháu Đinh Thị Lan N sinh ngày 26/01/2011. Năm 2018, anh Đinh Văn Đ khởi kiện xin ly hôn chị và theo quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ – ST ngày 21/11/2018 và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 07/2019/QĐ-PT ngày 30/7/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội thì chị và anh Đ đã ly hôn. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án ly hôn thì anh Đ và chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cả 2 con đều đang ở cùng chị. Từ năm 2017 anh Đ không cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty Geosantech (Lương công nhân từ 7-9 triệu đồng/tháng), ngoài ra chị vẫn làm nông nghiệp và may vá ở nhà, tổng thu nhập hàng tháng từ 9 -11 triệu đồng/1tháng. Thời gian làm việc tại Công ty từ 7 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. Hiện chị vẫn ở tại nhà và đất của 2 vợ chồng tạo dựng mà chưa đề nghị Tòa án phân chia. Do đó, nay chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Đinh Công H sinh ngày 07/6/2004 và cháu Đinh Thị Lan N sinh ngày 26/01/2011; về cấp dưỡng nuôi con: chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu, tổng mức cấp dưỡng là 6.000.000 đồng/01 tháng/02 cháu, thời gian cấp dưỡng từ năm 2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đinh Văn Đ có quan điểm trình bày:**

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án với anh Đ ngày 23/10/2019, anh Đ trình bày như sau: Anh và chị U đã ly hôn, giữa anh và chị U có 02 con chung là cháu Đinh Công H, sinh ngày 07/6/2004 và cháu Đinh Thị Lan N, sinh ngày 26/01/2011. Sau khi ly hôn 2 con chung ở cùng với chị U. Anh đang làm công nhân bên Đài Loan, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/1 tháng, hiện anh đang về Việt Nam nghỉ phép. Nay chị U khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý, tuy nhiên, việc chị U đề nghị được nuôi cả 2 con chung và anh yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/01 tháng/02 cháu thì anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi cháu Đinh Công H và giao cho chị U nuôi cháu Đinh Thị Lan N, anh không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp anh đi lao động bên Đài Loan, không về Việt Nam, anh đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định pháp luật và anh đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/1tháng/01 cháu, tổng cấp dưỡng 2 cháu là 4.000.000 đồng/01 tháng/02 cháu. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 14/11/2019, anh Đ thay đổi quan điểm: Anh không đồng ý với yêu cầu khởi

kiện của chị U, với lý do: Anh vẫn có trách nhiệm nuôi dưỡng con chứ không phải anh không gửi tiền về nuôi dưỡng con, trong thời kỳ hôn nhân anh gửi tiền về cho chị U để chị nuôi dưỡng con hàng tháng, tuy nhiên từ năm 2017 đến nay thì anh gửi tiền qua em họ của anh nhận, sau đó em họ anh đưa tiền cho cháu H. Anh không đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị U đề nghị vì mức lương của anh thấp hơn mức lương của chị U; Hiện tại anh và chị U chưa chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, 2 anh chị vẫn ở chung 1 nhà. Trước đây anh làm công nhân tại công ty T ở bên Đài Loan, thu nhập 6 -7 triệu đồng/1tháng. Hiện nay anh về nước không sang Đài Loan lao động nữa. Hiện nay anh chưa có công việc, anh đang tìm công việc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 anh có quan điểm nếu giao cả 2 con cho chị U nuôi anh đồng ý mức cấp dưỡng 2 triệu đồng/01tháng/01 cháu tổng là 4 triệu đồng/01tháng/02 cháu nhưng nay anh thay đổi lời khai, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, lý do các con không nghe lời anh. Ngoài ra các nội dung khác mà Tòa án lấy lời khai ngày 23/10/2019 anh giữ nguyên. Anh xin phép vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tiếp theo và các phiên tòa xét xử vụ án. Anh đồng ý Tòa án tham khảo nguyện vọng của các con để làm căn cứ giải quyết vụ án. Trường hợp các con không ở với anh thì anh tiếp tục sang Đài Loan lao động tại Công ty T có địa chỉ cư trú: số 77, đường T, quận C, thành phố Cao Hùng, Đài Loan. Anh không ủy quyền cho ai nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh xin phép vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tiếp theo và các phiên tòa xét xử vụ án. Khi nào Tòa án xét xử xong thì gửi bản án sang cho anh theo địa chỉ tại Công ty T có địa chỉ cư trú: số 77, đường T, quận C, thành phố Cao Hùng, Đài Loan.

* Tại “Đơn nguyện vọng” do cháu Đinh Thị Lan N và cháu Đinh Công H viết ký tên có chữ ký người giám hộ là chị Lưu Thị U do chị U nộp cho Tòa án ngày 28/10/2019, ý kiến của cháu Đinh Công H tại biên bản hòa giải ngày 14/11/2019 và Biên bản ghi lời khai của cháu Đinh Thị Lan N ngày 29/11/2019 của Tòa án có mặt người giám hộ là chị Lưu Thị U thì cả 2 cháu N và H đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị U.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đinh Văn Đ vắng mặt, chị Lưu Thị U có mặt.

- Chị Lưu Thị U trình bày: chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như biên bản hòa giải. Hiện chị và anh Đ chưa chia tài sản chung, chị vẫn đang quản lý sử dụng nhà đất của chị và anh Đ để nuôi dạy các con chung. Chị đang làm công nhân và ngoài giờ có làm thêm nghề may, thu nhập bình quân từ 8- 10 triệu đồng /1 tháng. Chị chi phí nuôi 1 con hết 4.000.000 đồng/ 1 tháng. Từ năm 2017 đến nay anh Đ không có trách nhiệm gì trong việc nuôi dạy con. Thời gian vừa qua anh Đ có về nước nhưng cũng không quan tâm đến các con còn xui con làm những việc trái pháp luật (đánh lô

đề), thậm chí chửi bới, đánh đập con chung là cháu H. Đề nghị Tòa án hạn chế quyền thăm nom, tiếp xúc con sau ly hôn đối với anh Đ.

- Chị Đinh Thị H trình bày: Tôi là chị gái của anh Đ, từ năm 2018 đến nay tôi đã nhiều lần đưa tiền cho cháu Đinh Công H để đóng tiền học, mua sắm điện thoại, sinh nhật các cháu. Tiền tôi đưa cho cháu H là của anh Đ gửi. Khi cháu cần tiền đến nhà tôi gọi điện thoại cho anh Đ, anh Đ nghe và bảo tôi đưa cho cháu thì tôi đưa. Tôi không bắt cháu phải ký nhận tiền. Tổng số tiền tôi đưa cho cháu H là 24.200.000 đồng, tôi có ghi chép diễn biến các lần đưa tiền, nội dung chi tiền.

- Cháu Đinh Công H trình bày: Có nhận tiền từ bác H một số lần như bác H nêu nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã nhận, thời gian nhận tiền. Ngoài ra năm 2017 có nhận tiền của chú L khoảng 5,6 lần và có ký nhận, mỗi lần nhận 2 triệu đồng, đây là tiền của bố gửi về cho hai anh em.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72- Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là anh Đinh Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ thấy hiện nay anh Đinh Văn Đ đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi con được, cả 2 con chung đang ở cùng chị Lưu Thị Ú, các cháu đều có nguyện vọng ở cùng mẹ và chị Ú có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của chị Lưu Thị Ú. Giao 2 con chung là cháu Đinh Công H, sinh ngày 07/6/2004 và cháu Đinh Thị Lan N, sinh ngày 26/01/2011 cho chị Lưu Thị Ú nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lưu Thị Ú theo mức 2.000.000 đồng/ 1 tháng/ 1con, thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 147; Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Lưu Thị Ú không phải chịu án phí và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Hoàn trả chị Ú tiền tạm ứng chi phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Anh Đinh Văn Đ phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ

vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lưu Thị U là nguyên đơn làm đơn khởi kiện đến Tòa án giải quyết yêu cầu về nuôi con và nuôi dưỡng con sau ly hôn. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn” theo khoản 1, khoản 5, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là anh Đinh Văn Đ hiện đang cư trú lao động ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37, điểm b, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa chị Lưu Thị U có mặt, anh Đinh Văn Đ có đơn xin xét xử vắng. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đinh Văn Đ.

[3]. Xét nội dung đơn khởi kiện về việc yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy

[3.1]. Chị Lưu Thị U và anh Đinh Văn Đ có hai con chung là Đinh Công H, sinh ngày 07/6/2004 và Đinh Thị Lan N, sinh ngày 26/01/2011. Chị Lưu Thị U và anh Đinh Văn Đ đã ly hôn theo quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ –ST ngày 21/11/2018 và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 07/2019/QĐ-PT ngày 30/7/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1, Điều 71- Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên”; khoản 1 Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình quy định “Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên”. Anh Đ và chị U đã ly hôn nhưng chưa giải quyết về con chung. Nay chị U yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi ly hôn, cả 2 con chung đang ở cùng chị Lưu Thị U. Anh Đinh Văn Đ hiện nay vẫn đang lao động, cư trú tại Đài Loan, không ở Việt Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung được. Xét thấy chị Lưu Thị U có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, cả 2 con chung đều có nguyện vọng ở với chị U. Do vậy đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con chung, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84- Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị U, giao cả 2 con chung là Đinh Công H, sinh ngày 07/6/2004 và Đinh Thị Lan N, sinh ngày 26/01/2011 cho chị Lưu Thị U nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Việc chị Lưu Thị Ú đề nghị Tòa án hạn chế anh Đinh Văn Đ quyền được thăm nom, tiếp xúc với con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận, vì: chị Lưu Thị Ú không đưa ra được các căn cứ chứng minh anh Đinh Văn Đ có những hành vi ngược đãi, hành hạ, đánh đập hoặc xúi giục con chung thực hiện hành vi trái pháp luật.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét yêu cầu của chị Lưu Thị Ú đề nghị Tòa án buộc anh Đinh Văn Đ cấp dưỡng nuôi 2 con chung với mức cấp dưỡng 6.000.000 đồng/01 tháng/02 con, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai của Tòa án với anh Đ ngày 23/10/2019, anh Đ trình bày: Anh đang làm công nhân bên Đài Loan, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng, việc chị Ú đề nghị được nuôi cả 2 con chung và anh yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/01 tháng/02 cháu thì anh không đồng ý. Trong trường hợp anh đi lao động bên Đài Loan, không về Việt Nam, anh đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định pháp luật và anh đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/01 cháu, tổng cấp dưỡng 2 cháu là 4.000.000 đồng/01 tháng/02 cháu. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 14/11/2019 anh thay đổi lời khai là không đồng ý cấp dưỡng với lý do các con không nghe lời anh.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã xác minh tại địa phương (địa bàn xã Đ, thành phố B) thì thấy: Tùy từng gia đình có điều kiện kinh tế khác nhau thì có sự khác nhau nhưng mức thu nhập bình quân là 3.300.000 đồng/1 người/1 tháng và mức chi phí sinh hoạt bình quân khoảng 3.000.000 đồng/1 người /1 tháng. Hội đồng xét xử thấy chị Lưu Thị Ú có công việc, thu nhập ổn định, tại phiên tòa chị cũng khai chi phí cho một con hết khoảng 4.000.000 đồng/ 1 tháng. Việc nuôi con là trách nhiệm chung của cả bố và mẹ. Quá trình giải quyết, anh Đ cũng có quan điểm đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/1 con/ 1 tháng. Việc thay đổi quan điểm không đồng ý cấp dưỡng là do anh thấy các con không nghe lời anh chứ không phải do điều kiện kinh tế, thu nhập của anh không đảm bảo. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ 1 tháng/1 con của chị Lưu Thị Ú. Căn cứ khoản 2, Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lưu Thị Ú theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các đương sự và con chung. Do không có sự thỏa thuận về thời gian, hình thức, phương thức cấp dưỡng nên thực hiện thời gian cấp dưỡng tính bằng tháng, mỗi tháng một lần, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 06/12/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc chị Lưu Thị Ú cho rằng anh Đinh Văn Đ không có trách nhiệm nuôi con và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con từ năm 2017 là không có căn cứ

chấp nhận vì: tại phiên tòa cháu Đinh Công H cũng đã thừa nhận có nhận tiền của bố gửi cho hai anh em thông qua chú L, bác H. Tuy cháu H không nhớ đầy đủ chính xác số tiền nhận và thời gian nhận tiền nhưng điều đó chứng tỏ anh Đ vẫn có trách nhiệm với các con chung chứ không phải như chị Lưu Thị U trình bày.

[4]. Về chi phí tố tụng:

[4.1]. Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị U được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự, chị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng. Hoàn trả lại cho chị U số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0000459 ngày 22/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 26; điểm đ, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Đinh Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí do phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4.2]. Về chi phí ủy thác tư pháp: Do yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị U được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 153; khoản 1, Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Lưu Thị U không phải chịu chi phí ủy thác tư pháp. Anh Đinh Văn Đ phải chịu 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp. Do chị Lưu Thị U đã nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0000525 ngày 27/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang nên buộc anh Đinh Văn Đ phải trả cho chị Lưu Thị U số tiền 200.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; điểm b, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 1, Điều 153; khoản 1, Điều 154; Điều 179; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; Điều 468- Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 26; điểm đ, khoản 6, Điều 27- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,
Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Ú.
2. Về việc nuôi con chung: Giao 02 con chung là Đinh Công H, sinh ngày 07/6/2004 và Đinh Thị Lan N, sinh ngày 26/01/2011 cho chị Lưu Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Đinh Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lưu Thị Ú theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (27/12/2019) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
4. Kể từ ngày chị Lưu Thị Ú có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đinh Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 – Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.
5. Anh Đinh Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.
6. Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.
7. Án phí sơ thẩm:
 - Chị Lưu Thị Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Lưu Thị Ú số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0000459 ngày 22/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.
 - Buộc anh Đinh Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí do phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.
8. Về chi phí ủy thác tư pháp: Chị Lưu Thị Ú không phải chịu chi phí ủy thác tư pháp. Buộc anh Đinh Văn Đ phải chịu 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp. Do chị Lưu Thị Ú đã nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2018/0000525 ngày 27/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang nên buộc anh Đinh Văn Đ phải trả cho chị Lưu Thị Ú số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).
9. Về quyền kháng cáo:
 - Chị Lưu Thị Ú có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
 - Anh Đinh Văn Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn là 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án

được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9- Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM,
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng